

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2033/UBND-TCKH

Phong Thổ, ngày 29 tháng 12 năm 2023

V/v hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2023, xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2023 sang năm 2024 và gửi báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023

Kính gửi:

- Các phòng, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể, các trường học thuộc huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc quy định thời gian gửi, xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán năm của các đơn vị dự toán và ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Thực hiện Công văn số 2586/STC-NS ngày 26/12/2023 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2023 và thực hiện Quyết toán NSDP năm 2023.

Để đảm bảo công tác xử lý ngân sách cuối năm, khóa sổ kế toán và quyết toán ngân sách niên độ năm 2023 và các năm sau đảm bảo theo đúng quy định. UBND huyện hướng dẫn một số nội dung về xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2023 sang năm 2024, lập và gửi báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 như sau:

I. ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÓA SỔ KẾ TOÁN 2023

Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp, trao đổi, thống nhất với Kho bạc nhà nước để đảm bảo thực hiện khóa sổ, cụ thể như sau:

1. Kiểm tra, rà soát toàn bộ dự toán cấp 0, dự toán của các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc trách nhiệm cơ quan tài chính nhập vào TABMIS, đảm bảo số liệu khớp đúng với quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị dự toán (bao gồm dự toán giao đầu năm, dự toán giao bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu, dự phòng và dự toán chi ngân sách cho các lĩnh vực chưa phân bổ đầu năm; dự toán điều chỉnh trong năm; dự toán tạm ứng; dự toán ứng trước ngân sách năm sau; nguồn dự toán năm trước chuyển sang). Phối hợp với các đơn vị dự toán kiểm tra, rà soát dự toán cấp trung gian của các đơn vị (cấp 3) thuộc ngân sách huyện, thành phố với số liệu trên hệ thống TABMIS (nếu có) để xử lý theo quy định.

2. Phối hợp với KBNN đồng cấp kiểm tra, đối chiếu về các nội dung cụ thể sau:

- Kiểm tra, đối chiếu số liệu chi NSNN bằng Lệnh chi tiền (bao gồm chi bằng Lệnh chi tiền theo dự toán được sử dụng trong năm, tạm ứng, ứng trước được cấp thẩm quyền giao).

- Kiểm tra, đối chiếu số dự toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (chi tiết số đã giao, số đã rút dự toán, số dư dự toán còn lại), chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (đảm bảo khớp đúng giữa báo cáo Tabmis, số của cơ quan Tài chính thông báo và số của đơn vị theo dõi), bao gồm:

- + Dự toán chi chuyển giao trong năm.

- + Dự toán chi chuyển giao thường xuyên, đầu tư XD CB ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm (nếu có).

- + Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam giao trong năm (nếu có).

- + Dự toán chi chuyển giao từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giao cho địa phương thực hiện (nếu có).

- + Dự toán chi chuyển giao ứng trước.

- Kiểm tra, rà soát toàn bộ dự toán đối với ngân sách cấp xã, trong trường hợp cơ quan tài chính tổ chức nhập dự toán.

- Điều chỉnh, hủy bỏ doanh số, số dư các tài khoản dự toán có phát sinh số dư thực trên hệ thống TABMIS.

3. Phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý các tài khoản tạm thu, tạm giữ theo quy định.

4. Phối hợp với các đơn vị sử dụng ngân sách, KBNN đồng cấp để xác định số dư tài khoản tiền gửi không sử dụng tiếp phải nộp lại NSNN theo mục lục NSNN. Đơn đốc đơn vị sử dụng ngân sách gửi báo cáo chi tiết số dư theo Mục lục NSNN đến KBNN nơi giao dịch **trước ngày 10/02/2024** để phối hợp thực hiện nộp lại ngân sách và hạch toán giảm chi hoặc giảm tạm ứng ngân sách theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

5. Kiểm tra, đối chiếu với KBNN đồng cấp về số liệu tạm ứng ngân quỹ nhà nước; tính toán chính xác số phải thu, số đã thu và số còn phải thu về chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước của NSNN; các khoản tạm ứng ngoài dự toán được cấp có thẩm quyền giao (không được phép phát sinh dự toán tính chất nguồn kinh phí 27 – Dự toán tạm ứng).

6. Kiểm tra, rà soát và xử lý các giao dịch dở dang về lệnh chi tiền và dự toán trên hệ thống TABMIS đảm bảo số liệu chính xác phục vụ công tác đối chiếu với KBNN khi thực hiện khóa sổ kế toán niên độ năm 2023 (theo hướng

dẫn tại Công văn số 16864/BTC-KBNN ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính về việc tăng cường rà soát, xử lý giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS phục vụ cho công tác khóa sổ quyết toán cuối năm 2016).

II. XỬ LÝ KINH PHÍ CUỐI NĂM 2023

1. Việc chuyển nguồn ngân sách năm 2023 sang năm 2024 theo đúng quy định tại:

- Khoản 3 Điều 64 Luật NSNN số 83/2015/QH13;
- Điều 68 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;
- Điều 42 và Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;
- Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2016/NĐ-CP;
- Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

Các khoản kinh phí được chuyển nguồn là các khoản dự toán chưa thực hiện hoặc chưa chi hết, các khoản đã tạm ứng trong dự toán, số dư tài khoản tiền gửi ngân sách cấp, hết thời gian chỉnh lý quyết toán (ngày 31 tháng 01 năm 2024) chưa thực hiện hoặc chưa sử dụng hết, được chuyển sang năm 2024 để thực hiện và hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm 2024, gồm:

1.1. Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công

Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm (bao gồm cả các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài) theo quy định tại Điều 64 Luật NSNN; Điều 68 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 đến ngày 31/01/2024, trừ trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31/12/2024 theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Chậm nhất đến hết ngày thứ 30 kể từ ngày 31/01/2024, các đơn vị KBNN hoàn thành việc đối chiếu số liệu ghi thu, ghi chi vốn vay ODA với chủ đầu tư theo Mẫu biểu số 01/ODA kèm theo Quyết định số 2906/QĐ-KBNN ngày 15/6/2018 của Tổng Giám đốc KBNN về việc ban hành Quy trình kiểm soát chi, ghi thu ghi chi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong hệ thống KBNN.

Đối với vốn tạm ứng chi đầu tư theo chế độ chưa thu hồi không đưa vào quyết toán. Hết thời hạn chỉnh lý quyết toán, số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi còn lại (sau khi trừ đi số nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán (nếu có) của phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ các năm trước) được chuyển sang ngân sách năm sau để quản lý, thu hồi tạm ứng và quyết toán phần thanh toán khối lượng hoàn thành, Cơ quan tài chính không phải làm thủ tục xét chuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Về quy trình và thủ tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm đối với các dự án được cấp có thẩm quyền cho phép: chủ đầu tư làm thủ tục đối chiếu với KBNN nơi giao dịch về số dư dự toán, trên cơ sở số liệu đối chiếu khớp đúng, đơn vị KBNN nơi chủ đầu tư mở tài khoản thực hiện chuyển số vốn còn lại chưa giải ngân sang năm sau.

Trường hợp có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 sang năm 2024 nhưng sau thời điểm đã hủy dự toán theo quy định, KBNN nơi giao dịch phục hồi kinh phí đã hủy bỏ tương ứng, lập chứng từ và thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách sang năm 2023 trên hệ thống TABMIS theo quy định.

***Lưu ý:**

- *Kinh phí chi đầu tư phát triển bao gồm cả nguồn kinh phí bổ sung từ dự phòng ngân sách, kết dư ngân sách nhà nước, tăng thu, tiết kiệm chi (không bao gồm nguồn kinh phí để thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công);*

- *Đối với vốn ngoài nước áp dụng cơ chế tài chính trong nước, xử lý tương tự như vốn trong nước.*

1.2. Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2023

- Về nội dung trang thiết bị tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, sử dụng máy móc, thiết bị.

- Căn cứ đối chiếu, xác nhận, chuyển nguồn mua sắm trang thiết bị sang năm 2024 cho đơn vị: Đơn vị gửi KBNN nơi giao dịch trước ngày 10/02/2024

gồm: Quyết định phê duyệt dự toán mua sắm; Hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2023 và còn thời hạn thực hiện thanh toán để làm căn cứ đối chiếu, xác nhận, chuyển nguồn sang năm 2024 cho đơn vị.

** Lưu ý: Trong quá trình thực hiện dự án mua sắm trang thiết bị có thể gồm nhiều thành phần (mua thiết bị, tư vấn giám sát, mua phần mềm, sửa chữa, lắp đặt chạy thử, chi phí quản lý dự án...) để thực hiện cùng dự án trong giai đoạn được phê duyệt, và có thể có những nội dung chi không có hợp đồng thì phải đảm bảo các nội dung này đều là phục vụ hợp đồng chính về mua sắm trang thiết bị, hợp đồng ký trước ngày 31/12/2023 và còn thời hạn thực hiện thanh toán, thì được chuyển nguồn sang năm 2024.*

1.3. Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng, trợ cấp một lần và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội

Nguồn thực hiện chính sách tiền lương được bố trí trong dự toán NSNN bao gồm: (1) Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngay từ đầu năm 2023; (2) Các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước còn dư; (3) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương bố trí dự toán ngân sách năm 2023 được theo dõi mã nguồn 14-Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương. (4) 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2023 không kể tăng thu từ nguồn thu sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, được theo dõi mã nguồn 14 - Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương.

Nguồn kinh phí chi trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần đối với người có công (theo quy định tại Tiết c, Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/12/2016) được theo dõi mã nguồn 17-Kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

1.4. Kinh phí được giao tự chủ (bao gồm cả kinh phí khoán chi quản lý tài chính) của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước theo chế độ quy định và theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi

Nguồn kinh phí được giao tự chủ được theo dõi mã nguồn 13 - Kinh phí được giao tự chủ.

Các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi, gồm cả: số dư tại các đơn vị được giao, số dư tạm ứng ở cấp ngân sách theo chế độ quy định đã làm thủ tục xác nhận viện trợ, được chuyển nguồn sang năm 2024.

1.5. Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách sau ngày 30/9/2023, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc

Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9/2023, nguồn không tự chủ được theo dõi mã nguồn 15 - Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9. Đến hết ngày 31/01/2024 chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết được chuyển sang năm 2024 (**chỉ áp dụng đối với**

những trường hợp còn nhiệm vụ chi) và điều chỉnh sang mã nguồn 12 - Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán

** Lưu ý: Khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách được thể hiện trong văn bản của Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính cùng cấp (nếu có) đối với đơn vị thuộc ngân sách địa phương (không phải từ quyết định giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I).*

1.6. Kinh phí nghiên cứu khoa học (thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ) bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện

Đối với kinh phí chi cho các dự án, đề án đang trong thời gian thực hiện, đơn vị quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ gửi KBNN nơi giao dịch trước ngày 10/02/2024: Văn bản giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cấp có thẩm quyền còn thời hạn thực hiện.

Khoản kinh phí này được theo dõi mã nguồn 16 - Kinh phí nghiên cứu khoa học.

** Lưu ý: Kinh phí nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được bố trí từ mã Loại 100 - Khoa học và công nghệ theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hệ thống Mục lục NSNN (các dự án triển khai phổ biến ứng dụng khoa học không thuộc quy định tại điểm này).*

1.7. Đối với 03 chương trình mục tiêu quốc gia:

- Thực hiện theo Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”: Quốc hội đã quyết định cho phép chuyển nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 (bao gồm cả vốn năm 2021 được chuyển nguồn sang năm 2022) chưa thực hiện giải ngân hết trong năm 2023 được kéo dài thực hiện sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện.

** Lưu ý: Đối với kế hoạch vốn năm 2021 chỉ thực hiện chuyển nguồn sang năm 2024 kinh phí chương trình mục tiêu đã được chuyển nguồn sang năm 2023 theo quy định tại Điểm 5, Điều 2 Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023: “Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư và sự nghiệp của ngân sách trung ương trong nước năm 2022 (bao gồm cả kế hoạch năm 2021 đã được kéo dài sang năm 2022) của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ- UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 chưa giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023”.*

- Thực hiện theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về phân bổ dự toán ngân sách trung ương năm 2024 quyết định: Quốc

hội cho phép chuyển nguồn dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 (bao gồm vốn đầu tư phát triển, kinh phí thường xuyên của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) sang năm 2024 tiếp tục thực hiện.

1.8. Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật NSNN, có phương án được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm 2024 thì được chuyển nguồn sang năm 2024 để thực hiện.

2. Thời hạn chi, tạm ứng, đề nghị cam kết chi và hạch toán các khoản thu, chi ngân sách

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 829/KBLC-KTNN ngày 18/12/2023 của Kho bạc nhà nước tỉnh Lai Châu về việc thông báo công tác khóa sổ năm 2023.

3. Công tác đối chiếu số liệu

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 829/KBLC-KTNN ngày 18/12/2023 của Kho bạc nhà nước tỉnh Lai Châu về việc thông báo công tác khóa sổ năm 2023.

4. Đối với kinh phí bổ sung có mục tiêu

Việc sử dụng vốn, kinh phí bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách, các đề án, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh phải theo đúng mục tiêu quy định. Trường hợp ngân sách cấp dưới sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết, thì thực hiện giảm rút dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên đối với kế hoạch vốn năm 2023 hoặc hoàn trả ngân sách cấp trên đối với kế hoạch vốn năm 2022 trở về trước.

III. THỦ TỤC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU

1. Các khoản kinh phí đã giao cho các đơn vị thuộc các nội dung từ 1.1 đến 1.8, khoản 1, mục II, phần A của Công văn này, trước ngày 10 tháng 2 năm sau, đơn vị lập bảng đối chiếu, xác nhận với KBNN nơi giao dịch (*theo Mẫu biểu số 20e, số 20f, kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ*) về số dự toán, số dư tạm ứng và số dư trên tài khoản tiền gửi ngân sách cấp KBNN tiếp tục kiểm soát chi theo quy định của Luật NSNN (nếu có), kèm theo các tài liệu liên quan nội dung nêu ở khoản 1, mục II, phần A của Công văn này để rà soát, đối chiếu chuyển nguồn sang ngân sách năm sau theo quy định.

2. KBNN nơi đơn vị giao dịch căn cứ nội dung dự toán giao, thời hạn được chi, điều kiện được chuyển nguồn để xác nhận, chuyển nguồn sang năm sau. KBNN các cấp tổng hợp, lập báo cáo chi tiết theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (*đối với ngân sách cấp xã*) tổng hợp toàn bộ các khoản được chuyển nguồn và có văn

bản gửi KBNN nơi giao dịch để hạch toán chi chuyển nguồn năm 2023 sang thu chuyển nguồn năm 2024 theo quy định tại Khoản 7 Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

IV. Về báo cáo quyết toán và thời hạn gửi báo cáo quyết toán

1. Đối chiếu số liệu quyết toán

1.1. Về thu ngân sách

- Rà soát, kiểm tra toàn bộ các khoản thu thực nộp tại Kho bạc nhà nước, tỷ lệ điều tiết ngân sách đã được KBNN hạch toán, đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025. Đảm bảo khớp đúng cả về tổng số và chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước giữa báo cáo kho bạc với báo cáo cơ quan thuế, Chi cục Hải quan.

- Kiểm tra, đối chiếu các khoản thu: Số thu chuyển nguồn khớp đúng với số chi chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023; Số thu kết dư ngân sách khớp đúng với số hạch toán kết dư năm 2022 (nếu có); số giảm rút dự toán bổ sung từ ngân sách cấp trên; số nộp trả sách cấp trên; thu, chi viện trợ (nếu có); các khoản ghi thu, ghi chi; thu dịch vụ của các đơn vị dự toán; thu khác... đảm bảo khớp đúng số liệu và nội dung các khoản thu cả về tổng số và chi tiết đến mục, tiểu mục theo mục lục ngân sách của KBNN, cơ quan tài chính, số liệu theo dõi giữa các đơn vị và trên hệ thống TAMIS.

- Kiểm tra, đối chiếu các khoản thu được phép giảm trừ khi xác định tăng thu ngân sách địa phương. Các khoản phí, lệ phí được trích lại cho các đơn vị sử dụng và số xác định khi tính nguồn cải cách tiền lương.

1.2. Về chi ngân sách

- Thực hiện đối chiếu và đảm bảo sự khớp đúng số quyết toán chi ngân sách của các chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách với Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch về tổng số và chi tiết theo chương, loại, khoản, chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia, mục và tiểu mục của mục lục ngân sách.

- Đối chiếu tổng số chi ngân sách địa phương, số liệu quyết toán chi từng cấp ngân sách, số chi cân đối ngân sách địa phương (bao gồm: chi số liệu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay...) và chi các chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia, chi chuyển nguồn sang năm 2024 khớp đúng với số Kho bạc nhà nước báo cáo và số trên hệ thống TABMIS cả về nội dung, lĩnh vực chi và chi tiết đến chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách.

- Đối chiếu số chi chuyển giao cho ngân sách cấp dưới đảm bảo khớp đúng với số hạch toán thu chuyển giao từ ngân sách cấp trên. Số chi nộp trả ngân sách cấp trên khớp đúng với số thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên giữa các cấp ngân sách hạch toán qua Kho bạc nhà nước và số trên hệ thống TABMIS.

- Đối chiếu các chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia đảm bảo khớp đúng chi tiết đến tiêu dự án, nội dung, nhiệm vụ và chi tiết theo nguồn vốn trong nước, ngoài nước, nguồn ngân sách trung ương, nguồn đối ứng từ ngân sách địa phương.

2. Tổng hợp quyết toán ngân sách địa phương

2.1. Về yêu cầu quyết toán

Thực hiện theo quy định tại Điều 65 của Luật NSNN, các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố thực hiện lập, tổng hợp báo cáo quyết toán đảm bảo quy trình theo quy định tại Điều 44, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và các văn bản quy định liên quan.

2.2. Về biểu mẫu báo cáo quyết toán

- Đối với các đơn vị dự toán khối tỉnh: Ngoài báo cáo quyết toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính, các đơn vị lập biểu mẫu quyết toán theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, biểu mẫu quy định theo các văn bản hướng dẫn hiện hành và thuyết minh các nội dung nộp trả ngân sách tỉnh gửi Sở Tài chính tổng hợp quyết toán.

- Đối với UBND các huyện, thành phố: Lập báo cáo quyết toán NSDP đầy đủ các biểu mẫu theo quy định tại Điều 30 của Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; trình HĐND huyện theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ Ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm và các văn bản hướng dẫn: Công văn số 14957/BTC-NSNN ngày 04/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn địa phương trong công tác quyết toán NSNN năm 2019; Công văn số 9700/BTC-NSNN ngày 23/9/2023 của Bộ Tài chính về việc chuẩn bị cho công tác quyết toán NSNN từ năm 2021 trở đi; Công văn số 12374/BTC-NSNN ngày 13/11/2023 của Bộ Tài chính về việc triển khai Nghị quyết số 91/2023/QH15 của Quốc hội về phê chuẩn quyết toán NSNN năm 2021; Công văn số 12464/BTC-NSNN ngày 14/11/2023 của Bộ Tài chính về việc chuẩn bị cho công tác tổng hợp quyết toán ngân sách địa phương năm 2022.

2.3. Về nội dung báo cáo quyết toán

Đảm bảo đầy đủ các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và theo mục lục ngân sách nhà nước kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả chi ngân sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, đơn vị theo lĩnh vực, chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia, đề án, nghị quyết được giao nhiệm vụ. Ngoài ra đề nghị các đơn vị dự toán, UBND các huyện, thành phố thực hiện thuyết minh chi tiết thêm một số nội dung như sau:

- Báo cáo thuyết minh, giải trình rõ số tăng thu NSDP năm 2023. Trong đó thuyết minh rõ số tiền dành để thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 và số được phân bổ, sử dụng theo quy định tại khoản 2, Điều 59 của Luật NSNN. Số đã quyết toán, số còn lại chưa sử dụng chuyển sang năm 2024.

- Thuyết minh chi tiết tình hình sử dụng kết dư ngân sách địa phương năm 2022 hạch toán vào thu ngân sách địa phương năm 2023; Giảm rút bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên những khoản kinh phí đã hết nhiệm vụ chi của năm ngân sách 2023 hoặc nộp trả ngân sách cấp trên những khoản kinh phí đã hết nhiệm vụ chi của năm ngân sách 2022 trở về trước không để tại kết dư ngân sách.

- Thuyết minh chi tiết các khoản chi từ nguồn dự phòng ngân sách thu hồi nộp trả ngân sách đối với những khoản chi từ nguồn dự phòng chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2, Điều 10 của Luật NSNN.

- Tổng hợp thuyết minh chi tiết số chi chuyển nguồn ngân sách năm 2023 sang năm 2024 theo mẫu biểu thuyết minh gửi kèm công văn này. Kèm theo số liệu thuyết minh tại các biểu chi tiết và biểu tổng hợp số 70 – Thông tư số 342/2016/TT-BTC: khớp đúng theo từng tiểu mục với số liệu đã đề nghị Kho bạc Nhà nước huyện hạch toán chuyển nguồn.

- Theo dõi, thực hiện việc trích tạo lập và sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương theo đúng quy định; trong đó lưu ý đề nghị các đơn vị sự nghiệp có thu trích đủ kinh phí cải cách tiền lương từ số thu sự nghiệp thực hiện năm 2023.

- Thu khác ngân sách (phần thu khác còn lại thuyết minh rõ đơn vị nộp, nội dung nộp), chi khác ngân sách, kết dư ngân sách, quyết toán chi các chế độ chính sách, thuyết minh kinh phí nộp trả ngân sách cấp trên, kinh phí thu hồi các khoản chi năm trước...

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2.4. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn hiện hành

2.5. Về thời hạn gửi báo cáo quyết toán NSNN:

2.5.1. Đối với đơn vị dự toán:

- Đối với đơn vị dự toán trực thuộc ngân sách huyện gửi Báo cáo quyết toán về Phòng Tài chính - Kế hoạch trước ngày 05 tháng 3 năm sau.

2.5.2. Đối với các xã, thị trấn:

- Đối với ngân sách cấp xã: Ủy ban nhân dân xã, thị trấn lập Báo cáo quyết toán ngân sách xã gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Hội đồng nhân dân xã, thị trấn trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

- Đối với ngân sách cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định, tổng hợp, lập Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương hàng năm trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt gửi Sở Tài chính và Ban Kinh tế - Xã hội của Hội đồng nhân dân huyện trước ngày 30 tháng 4 năm sau.

V. Ngoài ra, đối với ngân sách cấp xã:

Các xã, thị trấn trước khi thực hiện công tác khoá sổ kế toán cuối năm cần rà soát, đối chiếu và hoàn trả ngân sách huyện đối với các khoản tạm ứng, ứng trước dự toán đã được bố trí và các khoản được cấp có thẩm quyền giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2023. Đối chiếu, tổng hợp các nguồn kinh phí thực hiện theo Nghị quyết của Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, của huyện và các chính sách bổ sung trong năm, sau thời gian chỉnh lý quyết toán (31/01 năm sau) còn dư nguồn không còn nhiệm vụ chi thì hoàn trả ngân sách cấp trên.

Trên đây là hướng dẫn một số điểm về công tác xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2023 sang năm 2024, lập và nộp báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- KBNN huyện;
- Lưu: VT, C1, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Bảo Trung